

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/09/2020
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Thu.
2. Ông Nguyễn Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hải, Kiểm sát viên

Ngày 29/09/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/07/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/08/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/09/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TH sinh năm 1985; địa chỉ phố C, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh H sinh năm 1986; phố C, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh H: Bà T sinh năm 1964; địa chỉ phố C, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; là mẹ đẻ anh H, đại diện theo quyết định chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự số 01/2020/QĐ-CĐNDD ngày 17/08/2020 của Tòa án nhân dân huyện YK; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 14/07/2020, bản tự khai ngày 26/08/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị TH trình bày: Chị TH và anh H kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y ngày 27/11/2017. Tại thời điểm kết hôn anh H là người bình thường; sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, anh H chỉ làm việc nhà và giao tiếp bình thường như những người khác. Vợ chồng chung sống được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ ngày 15/09/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn

nên chị TH xin được ly hôn với anh H. Về con, vợ chồng có 01 con là cháu Đinh Bảo Anh sinh ngày 03/12/2019, chị TH đề nghị giao cháu Bảo Anh cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo Anh trưởng thành, chị TH không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, chị TH cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt của cháu Bảo Anh. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về phía anh H và người đại diện hợp pháp của anh H là bà T, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nh anh H và bà T đều không đến Tòa án làm việc và cũng không tham gia phiên tòa, nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Chị TH được ly hôn với anh H.
- Về con: Giao cháu Đinh Bảo Anh sinh ngày 03/12/2019 cho chị TH tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị TH.
- Về án phí: Chị TH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị TH khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh H, việc khởi kiện của chị TH là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại phố C, thị trấn Y, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về năng lực hành vi của bị đơn: Theo chứng cứ do Tòa án thu thập là bản sao Quyết định số 4371/QĐ-UBND ngày 12/09/2016 của UBND huyện YK về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội của ông H là đối tượng “Người khuyết tật nặng”; theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 17/08/2020 đại diện Trạm y tế thị trấn Y cung cấp

“Anh H đang dùng thuốc điều trị hằng tháng tại Trạm y tế thị trấn Y, theo bệnh án của Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình từ năm 2016 cho đến nay, bệnh chính là động kinh cơn lớn mã G40”. Tòa án đã giải thích để cho chị TH và bà T thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố anh H mất năng lực hành vi dân sự, nH chị TH và bà T đều có đơn không yêu cầu. Do đương sự không có yêu cầu tuyên bố anh H mất năng lực hành vi dân sự, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định chỉ định bà T (là mẹ đẻ anh H) là người đại diện cho anh H tham gia tố tụng, để bảo vệ quyền lợi cho anh H trong việc giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh H và người đại diện hợp pháp cho anh H là bà T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu ly hôn:

Theo chị TH khai, chị TH và anh H kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y ngày 27/11/2017. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện YK ngày 19/08/2020, đại diện UBND thị trấn Y cung cấp “Anh H là người khuyết tật nặng, ngày 27/11/2017 anh H và chị TH có đến đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y trên tinh thần tự nguyện, xét thấy anh H là chủ hộ, đối chiếu với Luật Hộ tịch và Bộ luật Dân sự thì anh H chưa có cơ quan nào có thẩm quyền tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, do vậy anh H vẫn đủ điều kiện kết hôn”; theo chị TH khai “trong giao tiếp hằng ngày anh H sinh hoạt bình thường như người khác”. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị TH và anh H là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo lời khai của chị TH thể hiện, trong thời gian chị TH đang mang thai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, và vợ chồng đã sống ly thân trước khi chị TH sinh con; điều này thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị TH và anh H trong thời gian qua đã không còn yêu thương quý trọng nhau, không chăm sóc giúp đỡ nhau, không quan tâm gì đến nhau, không giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; dẫn đến hôn nhân giữa chị TH và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TH, cho chị TH và anh H ly hôn.

Về con: Chị TH và anh H có 01 con là cháu Đình Bảo Anh sinh ngày 03/12/2019; cháu Bảo Anh mới được hơn 09 tháng tuổi; do vậy chấp nhận yêu cầu của chị TH, giao cháu Bảo Anh cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Bảo Anh trưởng thành; chị TH không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con và chị TH cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt, của cháu Bảo Anh, nên tòa án chấp nhận không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị TH.

Về tài sản chung: Theo chị TH trình bày, vợ chồng không có tài sản và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì. Nếu anh H và người đại diện hợp pháp của anh

H có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn, thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết thành vụ án riêng.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị TH là nguyên đơn, nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị TH, cho chị TH và anh H ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị TH và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.1 Về con: Chấp nhận yêu cầu chị TH, giao cháu Đinh Bảo Anh sinh ngày 03/12/2019 cho chị TH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bảo Anh trưởng thành; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị TH.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Bảo Anh được sống chung với chị TH và anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu Bảo Anh; chị TH không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc cháu Bảo Anh.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị TH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị TH đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002225 ngày 15/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị TH đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn là bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND tt Y
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực